

Bản án số: 162/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 17/6/2020  
V/v tranh chấp “*Xin ly hôn*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Kiều Oanh;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Hồng Vinh;

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hoa;

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lương Huỳnh Phúc Tài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang:**  
Không tham gia.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Chị Võ Ngọc N, sinh năm 1988.**

Địa chỉ: Ấp L, xã Y, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

**2. Bị đơn: Anh Trương Hoàng T, sinh năm 1989.**

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang

(Chị N, anh T có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Võ Ngọc N trình bày:*

Chị và anh T do quen biết nên tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 18/6/2012. Thời gian đầu về chung sống hạnh phúc được một năm, sau đó phát sinh mâu thuẫn do anh T ham chơi đá gà, vàng cưới của chị bán hết, chị cũng cố gắng bỏ qua để tiếp tục chung sống đến nay được 09 năm, cuộc sống chung của anh chị đến nay không thấy có hạnh phúc, anh chị hay cãi vã, tình cảm vợ chồng anh chị cũng không còn như

trước, chị không còn thương anh T nữa, anh chị hiện nay đã sống ly thân nên chị xin ly hôn với anh T.

Quá trình chung sống, anh chị không có con chung, nợ chung và tài sản chung. Ngoài ra, chị không trình bày gì thêm khác.

*\* Quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn anh Trương Hoàng T trình bày:*

Anh thông nhất lời trình bày của chị N về thời gian chung sống, tự nguyện quen biết, tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn nhưng anh không đồng ý ly hôn, anh muốn vợ chồng hàn gắn vì anh còn thương Chị N, anh chị thời gian đầu có mâu thuẫn do anh ham chơi đá gà nhưng nhiều năm trở lại đây anh không còn đá gà nữa, lo làm ăn, đời sống vợ chồng anh chị đôi khi có xảy ra mâu thuẫn nhỏ nhặt, cãi vã với nhau, chứ không có mâu thuẫn gì trầm trọng tới mức phải ly hôn, anh chị hiện nay đang sống ly thân. Ngoài ra, anh không trình bày gì thêm khác.

*\* Tài liệu, chứng cứ các bên cung cấp: Không có.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Đây là “*Tranh chấp xin ly hôn*” cần được xem xét, giải quyết theo Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T cưới nhau, đăng ký kết hôn vào ngày 18 tháng 6 năm 2012, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Anh, chị tiến đến hôn nhân là do tự nguyện. Theo đơn ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, Chị N cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống, đời sống chung của anh chị kéo dài 9 năm nhưng không có hạnh phúc, hiện nay tình cảm của chị đối với anh T không còn nữa nên chị xin ly hôn với anh T. Anh T có ý kiến trình bày không đồng ý ly hôn với chị N vì hiện nay giữa anh chị không có mâu thuẫn gì, mâu thuẫn do chị N trình bày là trước đây. Mặc dù anh T không đồng ý ly hôn với chị N, nhưng qua hòa giải tại tòa án chị N vẫn cương quyết xin ly hôn, không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, từ khi ly thân đến nay thì anh T vẫn không chủ động liên lạc hàn gắn với chị N, không đưa ra được phương pháp gì để anh chị có thể trở về đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng, hôn nhân giữa chị N và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: chị N và anh T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[4] Về án phí: Chị N yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân gia đình;

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Võ Ngọc N.

1. Về hôn nhân: Chị Võ Ngọc N được ly hôn với anh Trương Hoàng T.

2. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số 0016443 ngày 05/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây nên chị N đã nộp xong án phí.

Anh T không phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: chị N, anh T được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện GCT;

- Chi cục THADS huyện GCT;

- Các đương sự;

- UBND xã T, huyện GCT;

- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Phan Thị Kiều Oanh**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Dung – Thạch Tân Dân

Phan Thị Kiều Oanh